

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Tiêu chí đánh giá hồ sơ đề xuất dự án để lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án Nhà máy nhiệt điện LNG Quỳnh Lập

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 30/11/2024; Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật đầu tư công, Luật Quản lý sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 56/2025/NĐ-CP ngày 03/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện, đầu tư xây dựng dự án điện lực và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án kinh doanh điện lực;

Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 225/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025);

Căn cứ Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 10/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghệ An khóa XX, nhiệm kỳ 2025-2030 (Hội nghị lần thứ 3) và Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh khóa XVIII, kỳ họp thứ 35 về việc xác định dự án nhà máy nhiệt điện LNG Quỳnh Lập là dự án có yêu cầu cấp bách phải thực hiện ngay để bảo đảm hoàn thành tiến độ yêu cầu tại Quy hoạch điện VIII điều chỉnh, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII điều chỉnh; Chương trình hành động số 08-CTr/TU ngày 17/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghệ An khóa XX, nhiệm kỳ 2025-2030 (Hội nghị lần thứ 3) về thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Văn bản số 30/UBND-CN ngày 05/01/2026 của UBND tỉnh về việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án Nhà máy nhiệt điện LNG Quỳnh Lập;



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản số 287/STC-TC&PTDN ngày 13/01/2026 (trên cơ sở đề nghị của Tổ công tác thành lập tại Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 06/01/2026 của UBND tỉnh tại Văn bản số 286/STC-TC&PTDN ngày 13/01/2026);

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Tiêu chí đánh giá hồ sơ đề xuất dự án Nhà máy nhiệt điện LNG Quỳnh Lập tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương đăng tải Tiêu chí đánh giá Hồ sơ đề xuất dự án trên báo chí, Cổng thông tin điện tử tỉnh Nghệ An để thông tin rộng rãi và thông báo đến các Nhà đầu tư biết để hoàn thiện và nộp lại hồ sơ đề xuất dự án.

2. Sở Tài chính đăng tải Tiêu chí đánh giá Hồ sơ đề xuất dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

3. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận Hồ sơ đề xuất của các Nhà đầu tư liên quan đến dự án Nhà máy nhiệt điện LNG Quỳnh Lập.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND phường Tân Mai; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận: /

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu : VT, CN (TP, T).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phùng Thành Vinh

Phụ lục: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT DỰ ÁN
Lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện dự án Nhà máy nhiệt điện LNG Quỳnh
Lập (áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt)

(Kèm theo Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 15/01/2026 của UBND tỉnh)

CHƯƠNG I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Mục 1. Mục đích

1. Xây dựng tiêu chí đánh giá Hồ sơ đề xuất của các Nhà đầu tư nhằm lựa chọn được 01 Nhà đầu tư (trong tổng số các nhà đầu tư đã nộp hồ sơ đề xuất dự án) để áp dụng lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt, bảo đảm quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật chuyên ngành và pháp luật liên quan khác nếu có.

2. Tiêu chí này là cơ sở cho các Nhà đầu tư cam kết, hoàn thiện lại Hồ sơ đề xuất dự án đã nộp theo tình hình mới (tại Chương III của Tiêu chí này).

3. Bảo đảm tính đối xử công bằng, minh bạch giữa các nhà đầu tư.

4. Bảo đảm yêu cầu về tiến độ thực hiện dự án đã được cơ quan có thẩm quyền đề ra: (i)- Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025); Kế hoạch thực hiện Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; (ii)- Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03/01/2025 và Kết luận của Thường trực Chính phủ tại Thông báo số 93/TB-VPCP ngày 10/3/2025; (ii)- Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 10/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghệ An khóa XX, nhiệm kỳ 2025-2030 (hội nghị lần thứ 3); Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh khóa XVIII, kỳ họp thứ 35); Quyết định số 2634/QĐ-TTg ngày 02/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục các công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành năng lượng.

Mục 2. Yêu cầu

1. Lựa chọn được Nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu:

- Bảo đảm việc ưu tiên mô hình kho LNG trung tâm để cung cấp cho các nhà máy điện khí trong khu vực, sử dụng chung cho mục đích công nghiệp, thương mại khác và giải pháp dùng chung hạ tầng trong khu vực như bến cảng chuyên dùng LNG, giao thông, có xét phương án mở rộng trạm phân phối điện dùng chung khi có yêu cầu,...

- Bảo đảm tiến độ đã đề ra tại: Quy hoạch điện VIII điều chỉnh, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII điều chỉnh; chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03/01/2025 và Kết luận của Thường trực Chính phủ tại Thông báo số 93/TB-VPCP ngày 10/3/2025; Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 10/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghệ An khóa XX, nhiệm kỳ 2025-2030 (hội nghị lần thứ 3); Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh khóa XVIII, kỳ họp thứ 35; Quyết định số 2634/QĐ-TTg ngày 02/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Hoàn thành việc lựa chọn nhà đầu tư để trình UBND tỉnh quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp chuẩn nhà đầu tư, phải bảo đảm yêu cầu về thời gian, các nội dung liên quan theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành liên quan; Tỉnh ủy, HĐND tỉnh.

CHƯƠNG II. CĂN CỨ XÂY DỰNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT DỰ ÁN CỦA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

Mục 1. Các văn bản pháp lý liên quan dự án

1. Các văn bản pháp lý

- Khoản 2 Điều 44b Nghị định số 115/2024/NĐ-CP (được điều chỉnh, bổ sung tại khoản 17 Điều 2 Nghị định số 225/2025/NĐ-CP) của Chính phủ; vận dụng khoản 6 Điều 44b Nghị định số 115/2024/NĐ-CP (được điều chỉnh, bổ sung tại khoản 17 Điều 2 Nghị định số 225/2025/NĐ-CP);

- Nghị định số 56/2025/NĐ-CP ngày 03/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện, đầu tư xây dựng dự án điện lực và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án kinh doanh điện lực;

- Các quy định của pháp luật chuyên ngành: điện; đất đai; tài nguyên; bảo vệ môi trường; xây dựng; cảng biển; đầu tư;....;

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng của ngành điện lực, năng lượng, xây dựng, cảng biển,...;

- Quy hoạch điện VIII điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII điều chỉnh đã được Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số 1509/QĐ-BCT ngày 30/5/2025;

- Quyết định số 2634/QĐ-TTg ngày 02/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục các công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành năng lượng;

- Quyết định số 1051/QĐ-BXD ngày 09/7/2025 của Bộ Xây dựng phê duyệt Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Công Thương về tiến độ dự án Nhà máy nhiệt điện LNG Quỳnh Lập¹;

- Vận dụng một số nội dung được đề cập tại các Mẫu Hồ sơ mời thầu dự án điện được ban hành tại các: Thông tư số 98/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính; Thông tư số 27/2024/TT-BCT ngày 21/11/2024, Thông tư số 32/2025/TT-BCT ngày 02/6/2025 và Thông tư số 66/2025/TT-BCT ngày 31/12/2025 của Bộ Công Thương.

2. Các văn bản pháp lý của tỉnh Nghệ An

- Chương trình hành động số 08-CTr/TU ngày 17/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 10/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghệ An khóa XX, nhiệm kỳ 2025-2030 (hội nghị lần thứ 3) về việc xác định dự án Nhà máy nhiệt điện LNG Quỳnh Lập là dự án có yêu cầu cấp bách phải thực hiện ngay để bảo đảm hoàn thành tiến độ yêu cầu tại Quy hoạch điện VIII điều chỉnh, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII điều chỉnh;

- Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh khóa XVIII, kỳ họp thứ 35 về việc xác định dự án Nhà máy nhiệt điện LNG Quỳnh Lập là dự án có yêu cầu cấp bách phải thực hiện ngay để bảo đảm hoàn thành tiến độ yêu cầu tại Quy hoạch điện VIII điều chỉnh, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII điều chỉnh.

Mục 2. Điều kiện thực tiễn về thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án nhà máy nhiệt điện LNG Quỳnh Lập

Từ ngày 20/9 đến ngày 05/10/2024², có 05 Nhà đầu tư quan tâm đề xuất dự án. Tỉnh Nghệ An thực hiện thủ tục thẩm định, trình chấp thuận chủ trương đầu tư dự án theo quy định pháp luật.

¹ (1). Tại Quy hoạch Điện VIII điều chỉnh, dự án Nhà máy nhiệt điện LNG Quỳnh Lập phải **hoàn thành, đưa vào vận hành giai đoạn 2025-2030**. (2). Tại Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII điều chỉnh, dự án Nhà máy nhiệt điện LNG Quỳnh Lập **phải đưa vào vận hành năm 2028**. (3). Ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị 01/CT-TTg ngày 03/01/2025 và Kết luận của Thường trực Chính phủ tại Thông báo số 93/TB-VPCP ngày 10/3/2025 về Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII, **trong đó yêu cầu dự án vận hành năm 2028**. (4). Bộ Công Thương đã có Công văn số 9337/BCT-ĐL ngày 26/11/2025 và Công văn số 9387/BCT-ĐL ngày 26/11/2025, yêu cầu: “**để nghị UBND tỉnh Nghệ An chỉ đạo các cơ quan khẩn trương thực hiện các thủ tục liên quan, bảo đảm hoàn thành lựa chọn nhà đầu tư dự án Nhà máy nhiệt điện LNG Quỳnh Lập trong Quý IV năm 2025. UBND tỉnh Nghệ An chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nếu để chậm trễ trong việc lựa chọn nhà đầu tư**”. (5)- Tại Quyết định số 2634/QĐ-TTg ngày 02/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ **thời gian vận hành trước 2030**.

² Thực hiện chỉ đạo tại Thông báo kết luận số 643/TB-UBND ngày 15/8/2024 của UBND tỉnh

Thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 10/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghệ An khóa XX, nhiệm kỳ 2025-2030 (hội nghị lần thứ 3); và Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh khóa XVIII, kỳ họp thứ 35), dự án có yêu cầu cấp bách phải thực hiện ngay để bảo đảm hoàn thành tiến độ yêu cầu đã đề ra. Trong đó, lựa chọn được 01 nhà đầu tư (trong số các nhà đầu tư đã quân tâm nộp hồ sơ đề nghị thực hiện dự án) để áp dụng lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt, trình cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư.

CHƯƠNG III. CHỈ DẪN NHÀ ĐẦU TƯ

Trên cơ sở hồ sơ đề xuất dự án do Nhà đầu tư đã nộp trong thời gian từ ngày 20/9/2024 đến ngày 05/10/2024, Nhà đầu tư rà soát, hoàn thiện và nộp bổ sung các hồ sơ, tài liệu theo thông tin như sau:

Mục 1.1	Tên và địa chỉ của cơ quan có thẩm quyền: - UBND tỉnh Nghệ An - Đại diện: Ông Võ Trọng Hải, Chủ tịch UBND tỉnh - Địa chỉ: Số 03, đường Trường Thi, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
Mục 1.2	a) Địa chỉ, tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề xuất của nhà đầu tư - Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An - Địa chỉ: Số 16, đường Trường Thi, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An - Số điện thoại: 0889391818 b) Thời gian tiếp nhận hồ sơ bổ sung của Nhà đầu tư: Ngày 30/01/2026.
Mục 1.3	Thông tin cơ bản của dự án gồm: 1. Tên dự án: Nhà máy nhiệt điện LNG Quỳnh Lập. 2. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư: Lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt. 3. Mục tiêu đầu tư - Sản xuất điện từ khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), lưu trữ khí thiên nhiên hóa lỏng theo các quy hoạch năng lượng quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh; Góp phần cung cấp nguồn điện ổn định cho hệ thống điện quốc gia, đáp ứng nhu cầu năng lượng cho các doanh nghiệp; - Đáp ứng các tiêu chí về môi trường, góp phần giảm thiểu phát thải khí nhà kính tác động đến môi trường; - Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tỉnh Nghệ An: thu hút vốn đầu tư cho sản xuất công nghiệp; chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nâng cao tỷ

trọng tăng trưởng công nghiệp tỉnh trong giai đoạn tới.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Tại phường Tân Mai, tỉnh Nghệ An.

5. Nhu cầu sử dụng đất

5.1. Tổng diện tích đất và mặt biển là 152,88 ha (chưa bao gồm vùng biển được sử dụng làm đê chắn sóng chung cho cả Khu bến Đông Hồi). Trong đó diện tích đất là 57,29 ha, diện tích đất bờ biển và mặt biển dự kiến 95,59 ha.

5.2. Mục đích sử dụng đất: Đất công trình năng lượng.

6. Quy mô đầu tư

6.1. Đầu tư xây dựng Nhà máy nhiệt điện có công suất 1.500MW; Kho chứa LNG có quy mô bồn chứa khoảng 250.000m³ và hệ thống tái hóa LNG; Bến cảng chuyên dùng Nhà máy nhiệt điện LNG Quỳnh Lập (thuộc Khu bến Đông Hồi - Cảng biển Nghệ An); và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.

6.2. Nhu cầu nhiên liệu của nhà máy: Nhập khẩu LNG khoảng 1,15 triệu tấn/năm.

6.3. Quy mô xây dựng

a) Nhà máy nhiệt điện

- Xây dựng nhà máy nhiệt điện có công suất 1.500MW, gồm 02 tổ máy 750MW, sử dụng công nghệ tuabin khí chu trình hỗn hợp;

- Xây dựng sân phân phối 500kV với quy mô bảo đảm truyền tải hết công suất 1.500MW của nhà máy nhiệt điện;

- Xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và phụ trợ khác bảo đảm đồng bộ phục vụ nhà máy nhiệt điện (như: Kênh dẫn nước làm mát, kênh thoát nước làm mát; trạm bơm; hệ thống đường giao thông, bãi đỗ xe, sân vườn nội bộ nhà máy; điện và điện chiếu sáng; cấp, thoát nước sinh hoạt; hệ thống PCCC đồng bộ; công nghệ thông tin; thu gom, xử lý chất thải nguy hại, rác thải, nước thải; hệ thống giám sát môi trường; nhà quản lý và vận hành; xưởng sửa chữa, nhà kho; hệ thống an ninh, bảo vệ;...).

b) Kho chứa LNG và hệ thống tái hóa khí, gồm: bồn chứa; hệ thống tái hóa khí; các hệ thống đường ống dẫn khí; và hệ thống hạ tầng và phụ trợ khác đồng bộ.

c) Bến cảng chuyên dùng Nhà máy nhiệt điện LNG Quỳnh Lập, gồm:

- 01 cầu cảng hàng lỏng/khí (phía trong hoặc phía ngoài đê chắn sóng, tùy thuộc vào phương án công nghệ xuất nhập LNG do Nhà đầu tư lựa chọn), tiếp nhận tàu tải trọng đến 150.000 tấn;

- Nạo vét trước bến, luồng chuyên dùng vào bến cảng; các công trình hạ tầng kỹ thuật và phụ trợ đồng bộ cho bến cảng;

- Khuyến khích Nhà đầu tư nghiên cứu đề xuất và đầu tư hạng mục dùng chung cho cả Khu bến Đông Hồi (sau đó bàn giao lại cho cơ

quan có thẩm quyền để quản lý, vận hành chung) bảo đảm đưa nhà máy nhiệt điện đi vào hoạt động đồng bộ (như đề chấn sổng).

d) Đầu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện có trên địa bàn với nhà máy nhiệt điện: giao thông kết nối từ nhà máy đến các quốc lộ hiện có; cấp, thoát nước; PCCC; công nghệ, thông tin liên lạc,...

(Chi tiết về các hạng mục công trình xây dựng được xác định tại bước lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và bước lập, thẩm định và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án).

6.4. Đề xuất ưu tiên mô hình kho LNG trung tâm để cung cấp cho các nhà máy điện khí trong khu vực, có giải pháp dùng chung hạ tầng trong khu vực như bến cảng chuyên dùng LNG, giao thông, có phương án xem xét mở rộng trạm phân phối điện dùng chung khi có yêu cầu,...: Sau khi các Quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh, Nhà đầu tư được lựa chọn và cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án (bao gồm cả điều chỉnh, bổ sung: nhu cầu sử dụng đất, nhu cầu nhiên liệu, quy mô xây dựng, và các nội dung có liên quan) theo quy định.

7. Phương án giải tỏa công suất

Nhà máy nhiệt điện LNG Quỳnh Lập đầu nối đến Trạm biến áp 500kV Quỳnh Lưu thông qua tuyến đường dây mạch kép 500kV; và đầu nối Nhà máy nhiệt điện LNG Nghi Sơn thông qua tuyến đường dây mạch kép 500kV. Việc đầu tư các tuyến đường dây này không thuộc phạm vi dự án này. Nhà đầu tư được lựa chọn thực hiện dự án và EVN sẽ thỏa thuận và thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án

Tổng mức đầu tư: 55.946.000.000.000 đồng, *(Năm mươi năm nghìn chín trăm bốn mươi sáu tỷ đồng)*. Trong đó:

- Chi phí thực hiện dự án: 55.641.000.000.000 đồng, *(Năm mươi năm nghìn sáu trăm bốn mươi một tỷ đồng)*³;

- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có): 305.000.000.000 đồng, *(Ba trăm linh năm tỷ đồng)*.

9. Vốn đầu tư: Nguồn vốn của nhà đầu tư, vốn huy động từ các tổ chức tín dụng.

10. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm, kể từ ngày Nhà đầu tư được quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất. Trường hợp nhà đầu tư đã có quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất

³ Tương đương 2,11 tỷ đô la Mỹ (theo tỷ giá thời điểm ngày 22/9/2025: 26.370 đồng VN/1USD).

	nhưng chậm được bàn giao đất thì thời hạn hoạt động của dự án đầu tư được tính từ ngày bàn giao đất trên thực địa. 11. Tiến độ thực hiện dự án: Hoàn thành, đưa vào vận hành giai đoạn 2025-2030. 12. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư: Theo quy định của pháp luật hiện hành.
Mục 1.4	Yêu cầu về vốn chủ sở hữu và vốn vay mà nhà đầu tư phải huy động: a) Vốn chủ sở hữu tối thiểu mà nhà đầu tư phải thu xếp: 15% của tổng vốn đầu tư dự án. b) Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng thu xếp tối thiểu phải lớn hơn hoặc bằng tổng vốn đầu tư dự án.
Mục 1.5	Yêu cầu ưu tiên mô hình kho LNG trung tâm để cung cấp cho các nhà máy điện khí trong khu vực, sử dụng chung cho mục đích công nghiệp, thương mại khác, có giải pháp dùng chung hạ tầng trong khu vực như bến cảng chuyên dùng LNG, giao thông, phương án mở rộng trạm phân phối điện dùng chung khi có yêu cầu,...
Mục 1.6	Yêu cầu về tiến độ thực hiện dự án: - Hoàn thành thủ tục phê duyệt dự án, thủ tục về môi trường và các thủ tục chuẩn bị đầu tư xây dựng có liên quan: trong vòng 12 tháng, kể từ ngày có quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; - Hoàn thành đưa vào vận hành giai đoạn 2025 - 2030.
Mục 1.7	Tài liệu, hồ sơ do nhà đầu tư nộp lần đầu (từ ngày 20/9/2024 đến ngày 05/10/2024) và hồ sơ hoàn thiện, bổ sung bảo đảm quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 239/2025/NĐ-CP): Gồm 01 bản gốc, 03 bản sao. Thành phần hồ sơ gồm: - Văn bản đề nghị thực hiện dự án (thời điểm hiện nay); - Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư: Thỏa thuận liên danh trong trường hợp liên danh, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của các thành viên liên danh và các giấy tờ có liên quan hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với nhà đầu tư trong nước; tài liệu chứng minh đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài đối với nhà đầu tư nước ngoài; - Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của các thành viên liên danh⁴; Bản cam kết vốn chủ sở hữu dành cho dự án này và bản kê

⁴ Kết quả báo cáo tài chính hoặc kết quả báo cáo đối với khoản mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán thực hiện trong năm; trường hợp không có kết quả báo cáo tài chính hoặc kết quả báo cáo đối với khoản mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán thực hiện trong năm thì dùng kết quả báo cáo tài chính hoặc kết quả báo cáo đối với khoản mục

	khai vốn chủ sở hữu dành cho các dự án mà nhà đầu tư đã và đang thực hiện. - Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án; giải trình công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư; đánh giá sơ bộ tác động môi trường; đấu nối và ổn định hệ thống điện, hiệu suất phát điện, và các giải pháp kỹ thuật, công nghệ, và các nội dung khác có liên quan; - Bảng Tiến độ thực hiện dự án; cam kết hoàn thành thành dự án đúng tiến độ đã đề ra, triển khai xây dựng dự án ngay sau khi nhận mặt bằng với cơ chế chính sách hiện nay của dự án (sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn (Qc), giá bán điện), không yêu cầu thêm các chính sách không có quy định dẫn tới việc chậm trễ triển khai dự án; Kiến nghị xử phạt chậm tiến độ thực hiện dự án làm cơ sở đưa vào hợp đồng dự án; cam kết thực hiện ký quỹ đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc bảo đảm thực hiện hợp đồng dự án trong trường hợp ký kết hợp đồng dự án theo quy định của pháp luật về đấu thầu. - Cam kết phát thải và Net-Zero sẵn sàng cho việc chuyển đổi sang công nghệ Hydro hoặc CCS; - Đề xuất giá bán điện; - Các tài liệu chứng minh kinh nghiệm của nhà đầu tư trong việc đầu tư vận hành nhà máy điện LNG và chuỗi cung ứng LNG (giấy phép, giấy chứng nhận đầu tư/vận hành,...) nếu có; - Các hồ sơ, tài liệu liên quan khác (nếu có).
Mục 1.8	Đồng tiền dùng để đánh giá: Đồng Việt Nam. Trường hợp hồ sơ đề xuất dự án của Nhà đầu tư sử dụng các đồng tiền khác (mà không phải là Đồng Việt Nam) thì quy đổi về Đồng Việt Nam, thời điểm và căn cứ xác định tỷ giá quy đổi như sau: - Đồng tiền quy đổi là: Đồng Việt Nam. - Thời điểm xác định tỷ giá quy đổi là: tại thời điểm nộp hồ sơ đề xuất bổ sung của Nhà đầu tư (ngày 30/01/2026). - Căn cứ xác định tỷ giá quy đổi: Theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Vietcombank.

vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán của năm liền trước theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về kiểm toán, pháp luật về kế toán. Đối với doanh nghiệp thành lập và hoạt động chưa đủ 12 tháng thì vốn chủ sở hữu được xác định theo vốn điều lệ đã góp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và tài liệu chứng minh (nếu có).

CHƯƠNG IV. ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT DỰ ÁN

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất dự án (bảo đảm quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 239/2025/NĐ-CP của Chính phủ)

1.1. Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất dự án

a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ đề xuất dự án;

b) Kiểm tra các thành phần của hồ sơ đề xuất theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 239/2025/NĐ-CP) và Mục 1.7 Chương III của Tiêu chí đánh giá này.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất dự án

Hồ sơ đề xuất dự án của nhà đầu tư được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Có bản gốc hồ sơ đề xuất dự án;

b) Có Văn bản đề nghị thực hiện dự án hợp lệ và các cam kết của nhà đầu tư, được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu tại Mục 1.7 Chương III của Tiêu chí đánh giá này. Đối với nhà đầu tư liên danh, Văn bản đề nghị thực hiện dự án hợp lệ và các cam kết của nhà đầu tư do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký Văn bản đề nghị thực hiện dự án hợp lệ và các cam kết của nhà đầu tư theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Văn bản đề nghị thực hiện dự án hợp lệ và các cam kết của nhà đầu tư được coi là không hợp lệ nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có), không được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký Văn bản đề nghị thực hiện dự án hợp lệ và các cam kết của nhà đầu tư theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) đối với trường hợp liên danh;

- Kèm theo điều kiện gây bất lợi cho cơ quan có thẩm quyền hoặc bỏ sót các nội dung quan trọng⁵ nêu tại Chương I và các Mục 1.3, Mục 1.4, Mục 1.5, Mục 1.6, Mục 1.7 Chương III của Tiêu chí đánh giá này, dẫn đến không bảo đảm toàn bộ trách nhiệm và cam kết của nhà đầu tư trong quá trình thực hiện dự án và hợp đồng thực hiện dự án (nếu có) nếu được chấp thuận nhà đầu tư.

⁵ Việc ưu tiên kho khí LNG trung tâm, dùng chung hạ tầng và bảo đảm tiến độ phát điện đã đề ra.

c) Nhà đầu tư không có tên trong hai hoặc nhiều Hồ sơ đề xuất dự án với tư cách là nhà đầu tư độc lập hoặc thành viên trong liên danh;

d) Trường hợp liên danh, có thỏa thuận liên danh hợp lệ, được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Thỏa thuận liên danh phải nêu rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh, kể cả trường hợp có thay đổi thành viên liên danh.

1.3. Nhà đầu tư không nộp Văn bản đề nghị thực hiện dự án lần này được xem là không tham dự để được xem xét, đánh giá đề nghị thực hiện dự án.

1.4. Hồ sơ đề xuất của Nhà đầu tư không được đưa vào đánh giá về năng lực (bước tiếp theo) khi hồ sơ đề xuất dự án được đánh giá là không hợp lệ theo quy định tại điểm 1.1 và 1.2 Mục 1 này.

1.5. Hồ sơ đề xuất dự án của Nhà đầu tư được đánh giá hợp lệ theo quy định tại Mục 1 này được tiếp tục đánh giá về năng lực theo quy định tại Mục 2 dưới đây.

Mục 2. Đánh giá về năng lực (khả năng thu xếp vốn chủ sở hữu, huy động vốn vay theo quy định tại Điều 46 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP của Chính phủ)⁶

2.1. Phương pháp đánh giá

2.1.1. Việc đánh giá về năng lực sử dụng phương pháp đáp ứng/không đáp ứng.

2.1.2. Đối với nhà đầu tư liên danh:

a) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn chủ sở hữu của các thành viên liên danh, từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu tương ứng với phần góp vốn chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh. Nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 30%, từng thành viên liên danh có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 15%;

b) Vốn vay của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn vay của các thành viên liên danh;

2.2. Tiêu chí đánh giá: Việc đánh giá về năng lực của nhà đầu tư được thực hiện theo Bảng số 01 dưới đây:

⁶ Được quy định tại tiết c.1 điểm c khoản 2 Điều 44b Nghị định số 115/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 2 Nghị định số 225/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ.

Bảng số 01

TT	Tiêu chí đánh giá	Yêu cầu đánh giá đáp ứng/không đáp ứng	Đánh giá
1	Năng lực tài chính, khả năng thu xếp vốn⁷		
1.1	Vốn chủ sở hữu	Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp (so với tổng vốn đầu tư dự án 55.946.000.000.000 đồng): - Được đánh giá là đáp ứng khi Vốn chủ sở hữu nhà đầu tư phải thu xếp từ 15% so với tổng vốn đầu tư dự án trở lên. - Được đánh giá là không đáp ứng khi Vốn chủ sở hữu nhà đầu tư phải thu xếp dưới 15% so với tổng vốn đầu tư dự án.	
1.2	Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng huy động	Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng huy động: - Được đánh giá là đáp ứng khi bằng hoặc lớn hơn tổng vốn đầu tư dự án: 55.946.000.000.000 đồng. - Được đánh giá là không đáp ứng khi thấp hơn tổng vốn đầu tư dự án: 55.946.000.000.000 đồng.	

2.3. Hồ sơ đề xuất dự án được đánh giá là không đáp ứng khi có ít nhất một trong các tiêu chí tại Bảng số 01 không đáp ứng yêu cầu, và không được tiếp tục đánh giá về phương án đầu tư kinh doanh tại Mục 3 dưới đây.

⁷ Tại điểm a khoản 1 Điều 46 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP của Chính phủ. Pháp luật hiện nay không quy định giá trị vốn chủ sở hữu mà nhà đầu tư phải thu xếp so với tổng vốn đầu tư dự án đối với dự án điện. Tuy nhiên, Luật Đất đai trước đây có quy định là thu xếp tối thiểu là 15% so với tổng vốn đầu tư đối với dự án sử dụng đất có quy mô từ 20ha trở lên.

2.4. Hồ sơ đề xuất dự án của Nhà đầu tư đáp ứng các yêu cầu tại Bảng số 01 Mục 2 này được tiếp tục đánh giá về phương án đầu tư kinh doanh tại Mục 3 dưới đây.

Mục 3. Đánh giá về khả năng triển khai phương án xây dựng, vận hành, kinh doanh, khai thác công trình (phù hợp với các loại Quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thông tin về dự án), đáp ứng yêu cầu về tiến độ, chất lượng, hiệu quả đầu tư hoặc các điều kiện đặc thù khác của dự án; yêu cầu khác do cơ quan có thẩm quyền xác định⁸

3.1. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá Hồ sơ đề xuất dự án của nhà đầu tư được sử dụng phương pháp chấm điểm. Khi đánh giá Hồ sơ đề xuất dự án, nhà đầu tư phải đáp ứng điểm tối thiểu sau đây để được đánh giá xếp hạng:

- Điểm tối thiểu của tiêu chí chung và từng tiêu chí chi tiết không thấp hơn 60% điểm tối đa của tiêu chí đó;

- Trường hợp có tối thiểu 01 tiêu chí chi tiết không đáp ứng 60% điểm tối đa của tiêu chí đó thì hồ sơ đề xuất dự án không được xem xét xếp hạng.

- Nhà đầu tư đề xuất giá điện phải tuân thủ quy định hiện hành (trong đó đầy đủ thành phần giá điện và phải đảm bảo không cao hơn mức giá tối đa của khung giá tương ứng với loại hình nguồn điện do Bộ Công Thương ban hành tại thời điểm nộp bổ sung hồ sơ đề xuất dự án); có đề xuất phương án giảm giá điện. Nhà đầu tư thực hiện dự án sẽ thực hiện đàm phán giá điện với Bên mua điện theo quy định hiện hành và có tính toán phương án giảm giá điện trong hồ sơ đề xuất dự án.

3.2. Tiêu chí đánh giá

Bảng số 02

TT	Nội dung đánh giá	Mức điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm tối thiểu
I	Khả năng triển khai phương án xây dựng, vận hành, kinh doanh, khai thác công trình: Đánh giá sự phù hợp so với các Quy hoạch ngành, lĩnh vực và thông tin dự án tại Mục 1.3, Mục	40		24

⁸ Quy định tại tiết c.2 và tiết c.3 của điểm c khoản 2 Điều 44b Nghị định số 115/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 2 Nghị định số 225/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ

	1.5 và Mục 1.6 Chương III của Tiêu chí đánh giá này			
1	Hiểu biết của nhà đầu tư về dự án (mục tiêu, quy mô dự án, công suất, mô tả địa điểm được lựa chọn, điều kiện kinh tế xã hội và cơ sở hạ tầng khu vực dự án, có giải pháp dùng chung hạ tầng trong khu vực như bến cảng chuyên dùng LNG, giao thông, tính sẵn sàng cho việc mở rộng trạm phân phối điện dùng chung khi có yêu cầu;...)	05		03
2	Khả năng đấu nối và ổn định hệ thống điện	02		1,2
3	Giải pháp cơ sở hạ tầng LNG (giải pháp cung cấp nhiên liệu cho dự án; vận chuyển/tiếp nhận LNG, như tàu vận chuyển, luồng tàu, bến cập tàu, dịch vụ cảng và tàu kéo; thiết bị đầu cuối tiếp nhận LNG; v.v...)	05		03
4	Giải pháp công nghệ: phương án lựa chọn công nghệ; hiệu suất phát điện, xem xét công nghệ thuộc danh mục cấm/hạn chế/khuyến khích chuyển giao; cam kết giảm phát thải và Net-Zero;...	05		03
5	Giải pháp xây dựng, kiến trúc, phương án tổ chức thi công, sự phù hợp tổng vốn đầu tư so với phương án xây dựng, đầu tư,...	05		03
6	Đánh giá sơ bộ tác động môi trường	05		03
7	Đánh giá về xã hội (khả năng đóng góp phúc lợi xã hội tại địa phương;	03		1,8

	hỗ trợ thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có);...)			
8	Phương án đầu tư, vận hành, kinh doanh, bảo trì công trình (thành lập doanh nghiệp thực hiện dự án; hiểu biết về các thủ tục chuẩn bị đầu tư xây dựng; tỷ lệ nội địa hóa đối với thiết bị và dịch vụ tư vấn quan trọng; có phương án cung cấp nhiên liệu đảm bảo hoạt động cho dự án; tổ chức vận hành công trình; và các nội dung liên quan)	05		03
9	Phương án quản lý rủi ro của Nhà đầu tư trong quá trình triển khai dự án (phân tích các rủi ro, các phương án quản lý rủi ro;...)	02		1,2
10	Các cam kết của nhà đầu tư (cam kết rủi ro; cam kết chấp hành quy định về an ninh, quốc phòng; cam kết chấp hành các quy định pháp luật tại Việt Nam như: đất đai, lâm nghiệp, đầu tư, ...).	03		1,8
II	Đáp ứng yêu cầu về tiến độ, chất lượng, hiệu quả đầu tư hoặc các điều kiện đặc thù khác của dự án	40		24
1	Tiến độ thực hiện dự án (bảng tiến độ triển khai dự án chi tiết; giải pháp triển khai dự án để đáp ứng tiến độ đã đề ra tại Chương I, Chương II; cam kết triển khai xây dựng dự án ngay sau khi được giao đất, cho thuê đất;...)	20		12
2	Phương án giảm giá điện đảm bảo hiệu quả đầu tư	10		06
3	Hiệu quả về kinh tế xã hội của địa	10		06

	phương (đóng góp thu ngân sách qua các khoản thu phí, thuế, tạo việc làm cho lao động ở địa phương,...)			
III	Yêu cầu khác do cơ quan có thẩm quyền xác định (nhằm bảo đảm cho việc lựa chọn được nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm hoàn thành dự án đưa vào vận hành giai đoạn 2025-2030)	20		12
1	Kinh nghiệm đầu tư, vận hành nhà máy điện độc lập (IPP) sử dụng nhiên liệu khí /LNG có quy mô, công suất tương đương hoặc lớn hơn dự án đang xét, trong đó ưu tiên tại Việt Nam	10		06
2	Kinh nghiệm chuỗi cung ứng khí LNG	10		06
	Tổng cộng (T)	100 điểm		60 điểm

Mục 4. Xếp hạng và đề nghị chấp thuận nhà đầu tư theo hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt

Nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu điểm tối thiểu của từng tiêu chí chi tiết quy định tại Bảng số 02 có điểm tổng hợp (T) cao nhất được xếp hạng thứ nhất và được đề xuất chấp thuận Nhà đầu tư theo hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt để thực hiện dự án./.

